**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội**  **dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Tùy bút, tản văn | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | |
| **1** | **Đọc hiểu** | **Tùy bút, tản văn** | **Nhận biết**  - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cảnh vật, sự kiện trong tuỳ bút, tản văn.  - Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi, đặc trưng ngôn ngữ của tuỳ bút, tản văn.  - Nhận biết được số từ, phó từ, thành ngữ, tục ngữ, thuật ngữ, yếu tố Hán Việt thông dụng, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ: mở rộng thành phần chính và trạng ngữ bằng cụm từ; các biện pháp tu từ như: nói quá, nói giảm nói tránh; dấu chấm lửng sử dụng trong các văn bản tuỳ bút, tản văn.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được nét riêng về cảnh vật, con người được tái hiện trong tùy bút, tản văn.  - Hiểu và lí giải được những trạng thái tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc, rút ra được bài học trong cách nghĩ và cách ứng xử cho bản thân từ nội dung văn bản tuỳ bút, tản văn  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tuỳ bút, tản văn.  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thông điệp, tư tưởng của tác giả thể hiện qua tác phẩm tùy bút, tản văn. | | 3TN | | 5TN | 2TL |  | |
|  |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **Nhận biết:** Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, về vấn đề nghị luận.  **Thông hiểu:** Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản…)  **Vận dụng:**  Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề trong cuộc sống. Lập luận mạch lạc, biết kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ vấn đề nghị luận; ngôn ngữ trong sáng, giản dị; thể hiện được cảm xúc của bản thân trước vấn đề cần bàn luận.  **Vận dụng cao:**  Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. | |  | |  |  | 1TL\* | |
| **Tổng** | | | |  | | **3TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | | |  | | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | | |  | | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

*Mùa bánh khúc của năm bắt đầu khi cữ gặt tháng Mười. Ấy là lúc hạt rau tầm âm thầm bật mầm dưới gốc lúa chân ruộng cao hay cánh bãi trồng màu khô ẩm. Ngô lúa vào bồ, lẫm chưa ấm chỗ thì nơi chân rạ gốc ngô, giữa vạt rau má lá tròn, lá gai và rau xương cá xanh mướt là những lan man tầm khúc nếp phủ dày lông tơ sáng mịn xôm xốp đeo long lanh những hạt cườm sương mới nơi chấm hoa li ti vàng màu cúc.*

*Một mùi thơm hắc ngọt, trầm dịu la đà khi có khi không trước cảm giác kép lơ lửng qua suốt thì Tết tới Giêng Hai. Mùa rau tầm khúc.*

*Háo hức những bàn chân trần tấy đỏ, ướt lạnh tung bước xua châu chấu cào cào xập xè trong chuỗi cười giòn như chuông pha lê. Ấy là mỗi sớm mai lũ trẻ làng đi kiếm rau tầm…*

*Sương giăng loang, mỗi khi giẫm lên mùn chuột đào hang, tôi rùng mình vì cái cảm giác lạnh nhột nơi gan bàn chân, nhưng không bớt đi sự hung hăng chạy lên phía trước xí phần những khoảng mặt ruộng sáng trăng. Chỗ nào càng sáng thì rau tầm khúc mọc càng nhiều.*

(Trích ***“Tôi khóc những cánh đồng rau khúc,”***  - Nguyễn Tham Thiện Kế,

<https://www.nguoiduatin.vn/> ngày 01/ 8/ 2016)

**Câu 1**. Đoạn trích trên viết theo thể loại gì?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Nghị luận văn học | B. Nghị luận xã hội |
| C. Văn bản thông tin | D. Tùy bút |

**Câu 2**. Phương thức biểu đạt nào được sử dụng trong đoạn trích?

|  |
| --- |
| A. Tự sự, miêu tả, biểu cảm |
| B. Nghị luận, tự sự, biểu cảm |
| C. Tự sự, biểu cảm, thuyết minh |
| D. Thuyết minh, biểu cảm, miêu tả |

**Câu 3**. Hai câu văn sau liên kết với nhau bằng phép liên kết nào?

“*Mùa bánh khúc của năm bắt đầu khi cữ gặt tháng Mười. Ấy là lúc hạt rau tầm âm thầm bật mầm dưới gốc lúa chân ruộng cao hay cánh bãi trồng màu khô ẩm.”*

|  |  |
| --- | --- |
| A. Phép thế | B. Phép nối |
| C. Phép lặp | D. Phép liên tưởng |

**Câu 4**. Đọc lại đoạn trích trên và cho biết bánh khúc được làm từ loài cây nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Cây rau xương cá xanh mướt | B. Cây rau tầm khúc |
| C. Cây rau má lá tròn | D. Cây lá gai |

**Câu 5**. Mùa bánh khúc bắt đầu vào thời gian nào trong năm?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Tháng Giêng | B. Tháng Năm |
| C. Tháng Ba | D. Tháng Mười |

**Câu 6**.  Theo tác giả của bài viết, rau tầm khúc mọc nhiều nhất ở không gian như thế nào?

|  |
| --- |
| A. Dưới gốc lúa chân ruộng cao hay cánh bãi trồng màu khô ẩm |
| B. Nơi chân rạ gốc ngô, giữa vạt rau má lá tròn |
| C. Chỗ nào càng sáng thì rau tầm khúc mọc càng nhiều |
| D. Trên những cánh đồng lúa sau mùa gặt |

**Câu 7**. Ý nào không đúng khi nói về nét nghệ thuật đặc sắc của đoạn trích trên?

|  |
| --- |
| A. Sử dụng nhiều hình ảnh so sánh có sức biểu trưng cao; ngôn ngữ hàm súc, cô đọng |
| B. Kết hợp tài hoa giữa biểu cảm với miêu tả, trình bày nội dung theo mạch cảm xúc tạo sức lôi cuốn, say mê |
| C. Lựa chọn từ ngữ, câu văn linh hoạt, giàu hình ảnh, giàu sức biểu cảm |
| D. Giọng điệu chậm rãi, thủ thỉ, tâm tình |

**Câu 8**. Qua đoạn trích, em thấy tác giả dành cho chiếc bánh khúc tuổi thơ tình cảm gì?

|  |
| --- |
| A. Trân trọng, yêu thích chiếc bánh khúc - thứ quà quê gợi nhiều thương nhớ về kí ức tuổi thơ ấm áp tình thân. |
| B. Vui sướng, thích thú chiếc bánh khúc - gợi nhắc kỉ niệm tuổi thơ đi hái rau tầm khúc cùng lũ bạn trong xóm. |
| C. Hạnh phúc vì chiếc bánh khúc của quê hương trở thành một món ăn được nhiều người yêu thích. |
| D. Cảm mến về chiếc bánh khúc quê hương, gợi nhắc thời ấu thơ đầy gian khổ, nhọc nhằn. |

**Câu 9**. Kể tên một món ăn đặc sản em thích, nêu ấn tượng của em về món ăn đó.

**Câu 10**. Hãy cho biết một nét đẹp trong văn hóa ẩm thực của người dân Việt Nam?

**PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)**

[Em hãy viết bài văn nghị luận xã hội bàn về việc biết quý trọng thời gian](https://vndoc.com/nghi-luan-xa-hoi-ve-viec-biet-quy-trong-thoi-gian-194786)

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
| **1** | **D** | **0,5** |
| **2** | **A** | **0,5** |
| **3** | **A** | **0,5** |
| **4** | **B** | **0,5** |
| **5** | **D** | **0,5** |
| **6** | **D** | **0,5** |
| **7** | **C** | **0,5** |
| **8** | **A** | **0,5** |
| **9** | **\* Học sinh kể tên được món ăn đặc sản gắn với xuất xứ vùng miền và nêu được ấn tượng về món ăn đó**. Gợi ý:  - Đặc sản: cốm làng Vòng, phở Hà Nội; kẹo mè xửng Huế; nem chua Thanh Hóa; bánh Cu Đơ Hà Tĩnh; bánh Cáy Thái Bình,…  - Ấn tượng về món ăn đó: có thể nêu ấn tượng về cách chế biến/ về nguyên liệu làm ra sản phẩm/ về hương vị khi thưởng thức…  **\* Học sinh chỉ kể tên được món ăn đặc sản gắn với xuất xứ vùng miền/ hoặc nêu được ấn tượng về món ăn không gắn với vùng miền cụ thể**  **\* HS không trả lời được**. | **1,0**  0,5  0,5  **0,5**  **0** |
| **10** | **\* Học sinh nêu đúng, rõ ràng được một nét đẹp trong văn hóa ẩm thực của người Việt Nam**. Gợi ý:  - Văn hóa ẩm thực của dân tộc luôn có những nét đặc trưng của từng vùng miền, khó quên được bởi sự trang trí đẹp mắt, kết hợp với sự đậm đà hương vị cùng nhiều loại gia vị làm tăng sức hấp dẫn trong các món ăn.  - Văn hóa ẩm thực của dân tộc còn góp phần thể hiện được phong tục tập quán, cốt cách của người Việt,…  - …  **\* Học sinh nêu chưa rõ ý về một nét đẹp trong văn hóa ẩm thực của người Việt Nam.**  **\* Không trả lời được.** | **1,0**  0,5  0 |
| **II** |  | **PHẦN VIẾT** | **4.0** |
|  |  | *a. - Đảm bảo thể thức, bố cục của một bài văn.*  *- Xác định đúng nội dung chủ yếu cần nghị luận.* | 0,25 |
|  |  | *b.Triển khai hợp lý nội dung bài văn*. Có thể viết đoạn văn theo hướng sau:  **1. Mở bài**  Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: việc biết quý trọng thời gian.  (Học sinh lựa chọn cách dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp tùy thuộc vào khả năng của mình).  **2. Thân bài**  *a. Giải thích*  Quý trọng thời gian: đề cao tầm quan trọng, quý giá của thời gian đối với cuộc sống con người nhằm thúc đẩy con người để tránh làm mất hoặc lãng phí thời gian.  *b. Phân tích*  • Nguyên nhân của việc tiết kiệm thời gian  Thời gian tuy vô hạn nhưng cuộc sống của con người hữu hạn, mỗi người chỉ có thời gian nhất định, nếu muốn làm được nhiều việc thì chúng ta phải cố gắng.  Thời gian qua đi thì sẽ không lấy lại được, nếu chúng ta lãng phí thì sẽ đánh mất đi những cơ hội quý giá và để lại sự hối tiếc cho chính bản thân mình về sau.  Nếu lãng phí thời gian, chúng ta không chỉ làm ảnh hưởng đến công việc của bản thân mà còn gây ảnh hưởng đến người khác.  • Lợi ích của việc tiết kiệm thời gian  Khi chúng ta biết tiết kiệm và sử dụng quỹ thời gian hợp lí, chúng ta sẽ làm được nhiều việc có ích cho bản thân mình và xã hội.  Khi chúng ta biết nắm bắt thời gian thì sẽ không phải hối tiếc về sau này.  Việc quý trọng thời gian của bản thân mình sẽ giúp chúng ta có nhận thức đúng đắn và quý trọng thời gian của người khác.  *c. Chứng minh*  Học sinh tự lấy dẫn chứng để làm minh chứng cho việc tiết kiệm và biết sử dụng thời gian hợp lí trong bài làm văn của mình.  Lưu ý: dẫn chứng phải tiêu biểu, nổi bật, xác thực được nhiều người biết đến.  *d. Phản biện*  Trong xã hội vẫn còn rất nhiều người chưa biết quý trọng thời gian, lãng phí thời gian vào những việc làm vô ích, bỏ lỡ nhiều cơ hội quý báu,… những người này đáng bị thẳng thắn phê phán.  **3. Kết bài**  Khái quát lại vấn đề nghị luận: biết quý trọng thời gian; đồng thời rút ra bài học, liên hệ bản thân | 0,5  0,5  0,75  0,5  0,5  0,5 |
|  |  | *c. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận.* | 0,25 |
| *d. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.* | 0,25 |